

Số: 17/BC-CCTS-HC

Nghệ An, ngày 22 tháng 02 năm 2021

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện công tác tháng 02/2021 và kế hoạch tháng 03

A. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC THÁNG 02

I. Đặc điểm tình hình

1. Thuận lợi:

- Được sự lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của các cấp ủy Đảng, chính quyền các ban ngành liên quan từ Trung ương xuống cơ sở; đặc biệt là sự chỉ đạo trực tiếp, sâu sát của Lãnh đạo Sở Nông nghiệp & PTNT, Lãnh đạo Chi cục.

- Nguồn lực lao động dồi dào, có nhiều kinh nghiệm, chủ động học hỏi, sáng tạo trong sản xuất.

- Trong quá trình triển khai nhiệm vụ tuần tra, kiểm soát của Đoàn kiểm tra liên ngành có sự phối hợp nhiệt tình của lực lượng Bộ đội Biên phòng tuyến biển, chính quyền địa phương.

- Thời tiết thuận lợi, tạo điều kiện cho ngư dân vươn khơi bám biển.

2. Khó khăn:

- Một số bộ phận ngư dân chưa hiểu được sự thay đổi tính năng kỹ thuật của tàu khi tàu đã cải hoán nên khó khăn trong việc đăng kiểm, đăng ký.

- Nguồn lợi khai thác thủy sản ngày càng giảm nên số tàu nằm bờ không đi khai thác thủy sản ngày càng tăng.

- Một số bến cá và cơ sở hậu cần nghề cá chưa đáp ứng được đầy đủ nhu cầu cần thiết cho các phương tiện khi khai thác thủy sản cũng như phòng tránh trú bão.

- Một số ngư dân còn chưa chấp hành tốt các quy định của Nhà nước về khai thác thủy sản; các hành vi vi phạm ngày càng tinh vi, tìm mọi biện pháp né tránh lực lượng kiểm tra, gây khó khăn cho việc kiểm tra, kiểm soát trên biển.

- Lực lượng làm nhiệm vụ tuần tra, kiểm soát tại các tàu Kiểm ngư còn thiếu nên khi triển khai nhiệm vụ tuần tra, kiểm soát trên biển gặp nhiều khó khăn. Đặc biệt là khi tiếp cận kiểm tra các tàu cá vi phạm, đối tượng kiểm tra rất mạnh động gây nguy hiểm cho cán bộ khi đang thi hành công vụ.

- Hai tàu kiểm ngư đã xuống cấp, hư hỏng nên khó khăn trong quá trình hoạt động.

II. Những kết quả đạt được

1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu

1.1. Tổng sản lượng:

- Tổng sản lượng thủy sản 02 tháng đầu năm 2021 ước đạt 27.847 tấn, đạt 11,85% so với kế hoạch năm. Cụ thể:

+ Sản lượng khai thác thủy sản ước đạt 18.524 tấn, bằng 10,59% so với kế hoạch năm. Trong đó: Khai thác biển: 17.512 tấn, bằng 10,3% so với kế hoạch năm, giảm 1,64% so với cùng kỳ năm trước; khai thác thủy sản nội đồng ước đạt 1.012 tấn, bằng 20,24% so với kế hoạch năm, tăng 5,53% so với cùng kỳ năm trước.

+ Sản lượng nuôi trồng thủy sản ước đạt 9.323 tấn; bằng 15,54% so với kế hoạch năm; tăng 6,68% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó: nuôi ngọt 8.555 tấn; nuôi mặn lợ 768 tấn (tôm 250 tấn).

- Riêng trong tháng 02/2021, sản lượng thủy sản đạt 12.160 tấn. Trong đó, khai thác thủy sản đạt 7.306 tấn; nuôi trồng thủy sản đạt 4.854 tấn.

1.2. Diện tích nuôi trồng:

- Diện tích nuôi trồng thủy sản lũy kế 02 tháng đầu năm 2021 ước đạt 15.872 ha; bằng 73,82% so với kế hoạch; bằng 100% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó: diện tích nuôi ngọt 15.662 ha; diện tích nuôi mặn lợ 210 ha.

- Trong tháng, diện tích nuôi ước đạt 3.202 ha, bằng 100% so cùng kỳ năm 2020.

1.3. Sản xuất giống thủy sản:

- Sản xuất, ương dưỡng tôm giống ước đạt 202 triệu con, bằng 101% so với cùng kỳ năm trước; sản xuất cá giống đạt 116 triệu con, bằng 100% so với cùng kỳ năm trước.

- Trong tháng, sản xuất tôm giống ước đạt 172 triệu con, tăng 1,2% so cùng kỳ năm 2020; Sản xuất cá giống nước ngọt ước đạt 65 triệu con bằng 100% so cùng kỳ năm 2020.

2. Kết quả thực hiện công tác chuyên môn

2.1. Công tác tham mưu, chỉ đạo, điều hành, tuyên truyền phổ biến pháp luật Nhà nước

Căn cứ lịch làm việc đề ra trong tháng, Lãnh đạo Chi cục đã trực tiếp làm việc với chính quyền các địa phương, đồng thời xuống các cơ sở đóng mới, cải hoán tàu cá, các cơ sở sản xuất kinh doanh giống, nuôi trồng thủy sản để kiểm tra, chỉ đạo quá trình sản xuất. Chi cục đã chủ động tham mưu nhiều văn bản cho cơ quan chủ quản, các Sở ban ngành trình các cấp để thực hiện:

- Tham mưu Sở Nông nghiệp & PTNT ban hành 09 văn bản đạt chất lượng tốt.

2.2. Kết quả thực hiện công tác chuyên môn tháng 02 năm 2021

2.2.1. Công tác Hành chính, tổng hợp

* Công tác tổ chức - hành chính: Thực hiện tốt chế độ báo cáo đột xuất, định kỳ, công tác văn thư lưu trữ và các công tác khác.

- Thực hiện tốt công tác đón Tết, trực Tết Nguyên đán Tân Sửu năm 2021.

- Rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ Lãnh đạo, quản lý nhiệm kỳ 2020 - 2025 theo định kỳ hàng năm.

- Bám sát Đề án chuyển đổi 03 Trạm Kiểm định thủy sản về Chi cục Chăn nuôi và Thú y và Quyết định sửa đổi bổ sung Quyết định 30/2016/QĐ-UBND.

- Thực hiện công tác văn thư, lưu trữ đảm bảo chất lượng, đúng quy định.

* Công tác kế hoạch - tài chính: Thực hiện tốt công tác quản lý tài chính và kế toán, thanh quyết toán các nghiệp vụ phát sinh đảm bảo kịp thời, đúng quy định; cấp phát tài liệu, văn phòng phẩm, giấy tờ phục vụ công tác của cơ quan; Thực hiện tốt công tác thu lệ phí đăng ký, đăng kiểm, cấp giấy phép khai thác thủy sản.

- Xây dựng Dự toán kinh phí không giao tự chủ phí trình Sở Nông nghiệp và PTNT phê duyệt.

2.2.2. Công tác Thanh tra, pháp chế

* Thực hiện tốt nhiệm vụ thường trực tiếp nhận, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân. Trong tháng, Chi cục không tiếp nhận đơn thư khiếu nại, tố cáo nào.

* Nhiệm vụ thường trực phòng chống lụt bão và tìm kiếm cứu nạn: Đội tàu thực hiện trực sẵn sàng nhận nhiệm vụ.

* Trực và tiếp nhận thông tin Đường dây nóng 18001746: 24/24 giờ. Trong tháng, đã tiếp nhận 43 cuộc gọi đến Đường dây nóng. Trong đó:

+ 17 cuộc gọi báo tàu giã kéo khai thác gần bờ và đổ chất thải ra môi trường biển

+ 26 cuộc gọi chỉ nháy máy, nhảm số.

* Triển khai hoạt động IUU:

- Tuần tra, kiểm soát, giám sát trên biển và tại các cửa lạch: Chi cục Thủy sản thành lập 02 đoàn kiểm tra, trong đó có sự phối hợp với các cơ quan, đơn vị chức năng sử dụng hai tàu Kiểm ngư, xuống công tác thực hiện tuần tra, kiểm soát trên biển với 25 ngày công tác, đã kiểm tra được 225 lượt phương tiện. Qua kiểm tra đã phát hiện và xử lý 08 vụ/08 đối tượng/08 phương tiện, xử phạt vi phạm hành: 72.900.000 đồng.

- Tiếp tục tham gia các Tổ công tác liên ngành Thanh tra, kiểm soát nghề cá tại các Cảng cá: Lạch Hội, Lạch Vạn, Lạch Quèn, Quỳnh Phương.

2.2.3. Công tác Khai thác và Phát triển nguồn lợi thủy sản

- Công tác cấp giấy phép Khai thác thủy sản:

+ Tổng số lượt tàu cá được cấp giấy phép trong tháng là 40 lượt cấp (34 lượt cấp lại, 06 lượt cấp mới).

+ Số tàu còn hạn giấy phép khai thác thủy sản là: 2.018/2.241 chiếc, đạt 90,05% số tàu đang hoạt động, đạt 90,05% so với kế hoạch năm, tăng 3,09% so với cùng kỳ năm trước.

- Công tác đảm bảo điều kiện ATTP của tàu cá:

+ Trong tháng, Chi cục đã cấp giấy xác nhận kiến thức ATTP cho 68 người; thẩm định, cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP cho 13 tàu cá. Tổng số tiền thu được trong tháng 02/2021 là: 11.140.000 đồng.

Số tàu cá có giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP còn hạn là 1.014 tàu, đạt 83,32%, so với tổng số tàu phải cấp giấy chứng nhận (1.217 tàu).

- Thực hiện Chính sách Nghị quyết số 02/2020/NQ-HĐND ngày 22/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An: Thẩm định 883 bộ hồ sơ đề nghị hỗ trợ; ban hành Công văn bàn giao hồ sơ cho Sở Tài chính thẩm định, tiếp trình UBND tỉnh phê duyệt danh sách chủ tàu được hưởng chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết số 02/2020/NQ-HĐND.

- Xây dựng Bản tin ngư trường tháng 02/2021 và cung cấp 200 bản tin cho ngư dân.

2.2.4. Công tác Quản lý tàu cá và Cơ sở dịch vụ hậu cần nghề cá

- Tình hình đăng ký, đăng kiểm toàn tỉnh: Tổng số tàu cá toàn tỉnh được đăng ký và quản lý đến ngày 19/02/2021: 3.448 chiếc. Trong đó, loại tàu < 6 m: 897 chiếc; loại $6 \leq 12$ m: 788 chiếc; loại ≥ 12 m: 1.763 chiếc.

Tổng số tàu cá đã đăng kiểm so với tổng số tàu cá ≥ 12 m đang hoạt động là 1.526/1.533 chiếc, đạt 99,54%.

Tổng số lao động toàn tỉnh: 15.776 người, số lao động khai thác vùng khơi là 8.896 người.

- Công tác đăng kiểm, đăng ký và quản lý tàu cá trong tháng: Số tàu cá đăng kiểm: 22 tàu; Số tàu đăng kiểm ngoại tỉnh 02 tàu cải hoán; Số tàu cá đăng ký: 14 tàu; Số tàu xóa đăng ký là 05 tàu bán ngoại tỉnh.

- Công tác quản lý các cơ sở đóng mới, cải hoán tàu cá: Số cơ sở đóng mới, cải hoán được giám sát trong tháng là 10 lượt cơ sở. Số tàu được kiểm tra các bước đóng mới, cải hoán trong tháng là 18 lượt chiếc cải hoán. 100% tàu cá đóng mới được kiểm tra giám sát đầy đủ các bước theo đúng quy định.

- Công tác xét duyệt thiết kế: Trong tháng, Chi cục đã phê duyệt được 01 bộ hồ sơ thiết kế hoàn công cải hoán tàu cá. Công tác thẩm định hồ sơ thiết kế được các Đăng kiểm viên kiểm tra đối chiếu với quy phạm, yêu cầu đơn vị thiết kế thực hiện đúng quy định, đảm bảo phù hợp với quy phạm khi tàu xuất xưởng, hoạt động an toàn hiệu quả.

2.2.5. Công tác Nuôi trồng thủy sản

- Công tác kiểm tra chất lượng giống thủy sản: Trong tháng, Chi cục đã phối hợp với UBND các huyện/thị kiểm tra, nắm bắt tình hình sản xuất giống thủy sản tại các cơ sở sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản trên địa bàn tỉnh.

Đối với sản xuất, ương dưỡng tôm Sú giống: Hiện tại có 07 cơ sở đã nhập tôm bố mẹ và đưa vào sinh sản tôm giống đạt giai đoạn Post 7-8. Theo đánh giá của các cơ sở, tôm bố mẹ năm nay về mặt cảm quan màu sắc và kích cỡ tốt hơn so với mọi năm nhưng tỷ lệ đẻ kém hơn. Còn tỷ lệ ấp nở và ương dưỡng thì thuận lợi.

Đối với sản xuất, ương dưỡng tôm Thẻ chân trắng: Công ty Hải Tuấn đã nhập 735 con tôm bố mẹ về cho sinh sản; Công ty TNHH Việt Úc Nghệ An đã đưa khoảng 30 triệu con giống về ương dưỡng.

2.2.6. Công tác Trạm Bờ

- Thực hiện Quyết định 48/2010/QĐ-TTg:

+ Tổng số tàu cá đã đăng ký, bổ sung điều chỉnh đủ điều kiện tham gia khai thác trên các vùng biển xa được UBND tỉnh phê duyệt trong tháng là 02 tàu, đến nay đã có 1.049 tàu được UBND tỉnh phê duyệt đủ điều kiện tham gia khai thác trên các vùng biển xa.

Trong tháng, Chi cục đã phối hợp với UBND các xã, Công an, Bộ đội Biên phòng tại các Cửa Lạch niêm phong máy VX1700 cho 39 tàu cá; kiểm tra, tháo niêm phong cho 01 tàu cá.

+ Số tàu đã gửi báo cáo vị trí tàu cá khai thác trên các vùng biển xa về Trạm bờ là 01 tàu (01 chuyến).

- Công tác triển khai lắp đặt, quản lý thiết bị giám sát hành trình:

+ Phối hợp với các Đơn vị cung cấp thiết bị Giám sát hành trình bàn giao và lắp đặt máy giám sát hành trình cho tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15m đến dưới 24m, đến nay đã hoàn thành việc lắp đặt cho 1.136 tàu/1.218 tàu (đạt 93,26%).

+ Phối hợp với UBND các xã/phường thu hồi thiết bị Movimar không đăng ký tiếp tục sử dụng. Trong tháng đã thu hồi được 03 thiết bị movimar. Đến nay đã thu hồi được 65 thiết bị Movimar do chủ tàu cá không có nhu cầu đăng ký tiếp tục sử dụng.

- Thực hiện tốt công tác tiếp nhận, truy xuất, thu thập thông tin tàu cá hoạt động trên biển: Trong tháng, Chi cục đã tiếp nhận 32 tin nhắn xác nhận vị trí tàu cá (15 tin nhắn của tàu các hoạt động trên các vùng biển xa); 38 cuộc đàm thoại từ các chủ tàu cung cấp, trao đổi thông tin như xác nhận tin nhắn đã gửi thành công; Thường trực phòng chống thiên tai và TKCN, Dự báo ngư trường, Chỉ thị 3727/CT-BNN về Quản lý khai thác thủy sản nhắc nhở ngư dân không khai thác bất hợp pháp, vi phạm vùng biển nước khác qua đàm thoại 40 lần đến các chủ tàu hoạt động trên biển.

- Phát thông báo trên tần số 8063Khz danh sách các tàu có tin nhắn trên các vùng biển xa vào 9h và 15h hàng ngày, đồng thời kêu gọi các tàu cá nghiêm túc thực hiện việc bật thiết bị giám sát hành trình 24/24 trong suốt quá trình tham gia khai thác thủy sản trên biển.

- Thông báo cho các tàu hoạt động vi phạm vùng biển nước ngoài quay về vùng biển được phép khai thác theo quy định.

- Phối hợp với Công đoàn ngành Nông nghiệp và PTNT tổ chức trao tiền hỗ trợ ngư dân bị nạn tại huyện Quỳnh Lưu theo Quyết định số 10/QĐ-QNĐNCVN ngày 18/12/2020 của Ủy Nhân đạo Nghề cá Việt Nam.

- Tiếp nhận thông tin 03 vụ tai nạn tàu cá xảy ra trên biển.

2.2.7. Công tác tại các Trạm Kiểm định Thủy sản

- Định kỳ hàng tháng kiểm tra các mẫu quan trắc, cảnh báo, hướng dẫn cho người nuôi cách phòng trừ dịch bệnh cũng như biện pháp xử lý khi dịch bệnh xảy ra; thực hiện tốt công tác tuyên truyền.

- Thực hiện tốt công tác quan trắc môi trường.

2.2.8. Công tác tại các Trạm Thủy sản

- Tuyên truyền các quy định của pháp luật về khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản; an toàn vệ sinh trên tàu cá cho các chủ phương tiện tại địa bàn quản lý.

- Tham gia thực hiện công tác tuần tra, kiểm soát xử lý vi phạm trên biển, tại các cửa lạch, trên biển và thực hiện công tác đăng kiểm các tàu cá hết hạn đăng kiểm trong địa bàn được giao.

2.2.9. Công tác thu phí, lệ phí

- Tổng số phí, lệ phí thu được trong tháng là 109.896.000 đồng. Trong đó:

+ Phí đăng kiểm tàu cá theo Thông tư 230/2016/TT-BTC: 89.236.000 đồng;

+ Lệ phí cấp phép khai thác thủy sản theo Thông tư 230/2016/TT-BTC: 2.920.000 đồng;

+ Phí quản lý chất lượng VSATTP tàu cá: 17.740.000 đồng.

2.2.10. Một số công tác khác

- Thực hiện tốt công tác phòng, chống dịch bệnh Covid-19.
- Tiếp tục thực hiện nhiệm vụ tiếp nhận thủ tục hành chính tại Trung tâm Hành chính công của tỉnh.
- Viết 06 tin bài lên Website Sở Nông nghiệp và PTNT và thực hiện quản lý Website Chi cục Thủy sản.
- Thực hiện nhiệm vụ theo kế hoạch chống khai thác thủy sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định (IUU);
- Triển khai thực hiện các nội dung theo Luật Thủy sản 2017.
- Thực hiện các nội dung khác của cơ quan.

III. Một số tồn tại và nguyên nhân

Các chủ tàu ở một số địa phương không kịp thời làm thủ tục cấp, cấp lại giấy phép khai thác thủy sản. Nguyên nhân là do các thủ tục cấp, cấp lại giấy phép khai thác thủy sản được tiếp nhận tại Trung tâm phục vụ hành chính công nên các chủ tàu gặp nhiều khó khăn trong việc trực tiếp đi nộp hồ sơ tại Trung tâm, do tính chất đặc thù thường xuyên đi biển của ngư dân.

B. KẾ HOẠCH THÁNG 03 NĂM 2021

I. Một số nhiệm vụ trọng tâm

1. Công tác Hành chính, tổng hợp

- Tiếp tục cấp phát văn phòng phẩm, giấy tờ đăng ký, đăng kiểm, cấp phép tại địa phương và Văn phòng Chi cục.
- Phối hợp với các phòng ban trong công tác thu lệ phí đăng ký, đăng kiểm, cấp giấy phép KTTTS; quản lý chất lượng trong NTTS và kiểm định chất lượng giống thủy sản.
- Tiếp tục thực hiện thủ tục BHXH cho các cán bộ trong Chi cục.
- Thanh toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong tháng.
- Tổng hợp báo cáo hàng tháng gửi Tổng Cục, Sở và các báo cáo khác khi có yêu cầu.

2. Công tác Thanh tra chuyên ngành

- Tiếp dân, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân.
- Đội tàu thực hiện nhiệm vụ thường trực phòng chống lụt bão và tìm kiếm cứu nạn.
- Trực đường dây nóng Bảo vệ nguồn lợi thủy sản.
- Thực hiện Chỉ thị 45/CT-TTg ngày 13/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp cấp bách để khắc phục cảnh báo của Ủy ban Châu Âu về chống khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định; Chỉ thị số 01/1998/CT-TTg ngày 02/01/1998 của Thủ tướng Chính phủ về việc nghiêm cấm sử dụng chất nổ, xung điện, chất độc để khai thác thủy sản và tăng cường bảo vệ nguồn lợi thủy sản;
- Tiếp tục tham gia các Tổ công tác Liên ngành Thanh tra, kiểm soát nghề cá tại các Cảng cá trên địa bàn tỉnh.

3. Công tác Khai thác và Phát triển nguồn lợi thủy sản

- Tiếp tục triển khai công tác tuyên truyền Luật thủy sản năm 2017 và các văn bản hướng dẫn thi hành.
- Tiếp tục triển khai công tác cấp Giấy phép khai thác thủy sản.

- Triển khai công tác xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm, thẩm định cấp Giấy chứng nhận tàu cá đủ điều kiện an toàn thực phẩm tàu cá.

- Xây dựng, cung cấp Bản tin dự báo ngư trường khai thác hải sản.

- Thực hiện tốt công tác thống kê sản lượng khai thác thủy sản trên địa bàn toàn tỉnh.

- Thực hiện chính sách hỗ trợ cho ngư dân theo Quyết định 15/2018/QĐ-UBND; Nghị quyết số 02/2020/NQ-HĐND ngày 22/7/2020 và Nghị quyết số 26/2020/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh.

4. Công tác Quản lý tàu cá và Cơ sở dịch vụ hậu cần nghề cá

- Thực hiện đăng kiểm, đăng ký, xóa đăng ký tại các địa phương trên địa bàn tỉnh và đăng kiểm tàu cá ngoại tỉnh khi có yêu cầu;

- Kiểm tra tàu cá đóng mới, cải hoán trên địa bàn toàn tỉnh;

- Triển khai thực hiện các nội dung theo Luật Thủy sản 2017.

5. Công tác Nuôi trồng thủy sản

- Quan trắc cảnh báo môi trường và dịch bệnh

- Kiểm tra giám sát vùng nuôi trồng thủy sản.

- Kiểm tra duy trì điều kiện cơ sở sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản mặn, lợ.

6. Công tác Trạm Bờ

- Tiếp tục phối hợp với Công an, Biên phòng và UBND các xã phường niêm phong và kiểm tra tháo niêm phong, hỗ trợ lắp máy thông tin VX1700 cho các tàu cá tham gia khai thác trên các vùng biển xa.

- Nhận đàm thoại, tin nhắn qua máy TTLL tầm xa của các đài tàu khai thác thủy sản trên các vùng biển xa, hỗ trợ cung cấp, trao đổi thông tin theo yêu cầu của thuyền trưởng.

- Tham mưu Sở Nông nghiệp & PTNT trình Sở Tài chính cấp kinh phí để hỗ trợ cho ngư dân tham gia khai thác trên các vùng biển xa năm 2020.

- Tham mưu và tham gia họp tổ thẩm định Đợt III năm 2020 cho các chủ tàu tham gia khai thác trên các vùng biển xa.

- Thông báo Bản tin Dự báo ngư trường các nghề Vây, Rê, Chụp mực qua đàm thoại 02 lần/ngày đến các chủ tàu hoạt động trên biển.

- Tiếp tục phối hợp với các đơn vị cung cấp tiếp nhận máy giám sát hành trình lắp đặt cho các tàu cá có chiều dài từ 15m đến dưới 24m.

- Phát thông báo trên tần số 8063Khz kêu gọi các tàu cá nghiêm túc thực hiện việc bật thiết bị giám sát hành trình trong suốt quá trình tham gia khai thác thủy sản trên biển. Báo cáo danh sách tàu mất kết nối trên biển theo thông báo của Trung tâm thông tin Thủy sản cho Lãnh đạo Chi cục, Tổ công tác liên ngành, Phòng Thanh tra - Pháp chế qua Email vào 16h30 hàng ngày (nếu có).

- Trục công tác phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn; tiếp nhận, hướng dẫn và làm hồ sơ hỗ trợ các trường hợp tai nạn tàu cá toàn tỉnh (nếu có).

7. Công tác tại các Trạm Kiểm định Thủy sản

- Tuyên truyền, phổ biến hướng dẫn thực hiện về các quy định, quy trình kỹ thuật đến các hộ nuôi, các công ty và các cơ sở sản xuất kinh doanh giống.

8. Công tác tại các Trạm Thủy sản

- Tham gia thực hiện công tác tuần tra, kiểm soát xử lý vi phạm trên biển theo thông tin đường dây nóng và thực hiện công tác PCLB và TKCN khi có lệnh điều động.
- Tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về các lĩnh vực khai thác và BVNL thủy sản cho các chủ tàu tại địa bàn được phân công quản lý.
- Thực hiện công tác đăng ký, đăng kiểm cho các chủ tàu cá trên địa bàn được phân công quản lý.

9. Một số nhiệm vụ khác

- Cung cấp thông tin trên Cổng thông tin điện tử Sở Nông nghiệp và PTNT.
- Tiếp tục thực hiện nghiêm túc các chuyên đề, Nghị quyết của Chi uỷ Chi bộ và Đảng uỷ cấp trên; Chỉ thị 17 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ và Chỉ thị 26 của Thủ tướng Chính phủ gắn với việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh.

II. Giải pháp thực hiện

- Lãnh đạo Chi cục thường xuyên bám sát cơ sở để nắm bắt tình hình mọi diễn biến trong công tác khai thác và BVNL thủy sản, đăng ký, đăng kiểm, cấp phép và nuôi trồng thủy sản để có phương án xử lý kịp thời các tình huống phát sinh và tham mưu, báo cáo nhanh, chính xác cho Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và PTNT trong công tác chuyên môn.
- Thành lập các đoàn công tác xuống từng địa phương để tuyên truyền, nhắc nhở và thụ lý hồ sơ đăng ký, đăng kiểm và cấp giấy phép Khai thác thủy sản cho người dân.
- Phối hợp với các cơ quan, ban ngành, Đoàn Biên phòng, chính quyền địa phương thường xuyên kiểm tra, rà soát, cấp phép cho các phương tiện khai thác thủy sản. Thông báo đến các địa phương danh sách tàu cá đã hết hạn giấy phép khai thác thủy sản hàng tháng để nắm bắt và thông báo đến các chủ tàu cá.
- Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương và các đơn vị có liên quan để làm tốt công tác quản lý khai thác, bảo vệ nguồn lợi thủy sản, đăng ký, đăng kiểm, cấp phép và nuôi trồng thủy sản mặn, lợ. Tuyên truyền, phổ biến các quy định, quy trình, quy phạm trong lĩnh vực khai thác và BVNL thủy sản, đăng ký, đăng kiểm, cấp phép và nuôi trồng thủy sản tới các hộ dân, chủ tàu, hộ nuôi tôm, các Công ty cung ứng giống tôm và các Công ty dịch vụ nuôi trồng thủy sản trên địa bàn. /.

Nơi nhận:

- Sở Nông nghiệp và PTNT (b/cáo);
- Lưu VT-HC.

CHI CỤC TRƯỞNG



Nguyễn Chí Lương

PHỤ LỤC

(Kèm theo Báo cáo số: 17 /BC-CCTS-HC ngày 22 tháng 02 năm 2021 của Chi cục Thủy sản)

Bảng 1: Kết quả cấp Giấy phép khai thác thủy sản trong tháng 02/2021

TT	Địa Phương	Số tàu phải cấp	Cấp phép trong tháng		Đã Cấp	Tỷ Lệ (%)	So với cùng kỳ năm 2020 (%)	So với KH năm 2021 (%)
			Cấp mới	Cấp lại				
1	Tx. Hoàng Mai	835	4	21	802	96,05	-	-
2	Quỳnh Lưu	606	-	3	585	96,53	-	-
3	Diễn Châu	529	1	10	388	73,35	-	-
4	Nghi Lộc	89	-	1	74	83,15	-	-
5	Tx. Cửa Lò	181	-	-	168	92,82	-	-
6	TP Vinh	1	-	-	1	100	-	-
Tổng cộng		2.241	6	34	2.018	90,05	103,09	90,05

Bảng 2. Phụ lục kèm theo Báo cáo kết quả công tác từ ngày 16/01/2021 đến ngày 18/02/2021

TT	Nội dung	Kết quả thực hiện đến ngày 15/01/2021		% So với cùng kỳ năm 2020
I	Chỉ tiêu chung			
1	Tỷ lệ số tàu đã đăng kiểm (%)		99,54	-
2	Công suất bình quân (CV/tàu)		189,07	100,75
3	Tổng công suất ≥ 90 CV		599975	99,88
4	Công suất bình quân tàu ≥ 90 CV		437,94	101,56
II	Các chỉ tiêu khác	Thực hiện từ 12/12/2020 đến 15/01/2021	Lũy kế từ đầu năm	% So với cùng kỳ năm 2020
1	Số tàu đăng ký	14	34	107,69
-	Số tàu đóng mới nội tỉnh	2	3	200,00
-	Số tàu cải hoán	5	14	500,00
-	Số tàu mua nội tỉnh	5	24	45,45
-	Số tàu mua ngoại tỉnh	1	4	-
-	Số tàu đăng ký lại	1	3	-
2	Số tàu đăng kiểm	22	193	-
3	Số tàu xóa đăng ký	5	5	500,00
4	Số lượt cơ sở đóng mới, cải hoán được giám sát	10	24	-
5	Số lượt tàu được kiểm tra các bước đóng mới, cải hoán	18	40	-

Bảng 3. Báo cáo tàu cá theo dải công suất từng xã tháng 02/2021

TT	Địa phương	Lmax: <6 m	Lmax: 6-<12 m	Lmax: ≥ 12 m	Lmax ≥ 12 m được phân theo dải như sau					Tổng
					12-< 15 m	15-< 20 m	20-< 24 m	24-< 30 m	≥ 30 m	
I	T.X HOÀNG MAI	108	399	524	95	263	108	56	2	1.031
1	Quỳnh Lập	-	30	188	27	47	66	46	2	218
2	Quỳnh Phương	108	307	287	61	175	41	10	-	702
3	Quỳnh Dị	-	62	49	7	41	1	-	-	111
II	QUỲNH LƯU	266	139	517	21	232	97	163	4	922
1	Quỳnh Lương	92	-	-	-	-	-	-	-	92
2	Quỳnh Bảng	1	-	-	-	-	-	-	-	1
3	Quỳnh Minh	-	-	1	-	-	-	1	-	1
4	Quỳnh Nghĩa	50	3	105	1	12	21	71	-	158
5	Tiên Thủy	-	104	130	7	29	26	64	4	234
6	An Hòa	45	1	22	-	21	1	-	-	68
7	Quỳnh Long	59	1	69	1	6	43	19	-	129
8	Quỳnh Ngọc	10	1	2	1	1	-	-	-	13
9	Quỳnh Thọ	-	-	10	-	7	3	-	-	10
10	Sơn Hải	4	29	175	11	156	1	7	-	208
11	Quỳnh Thuận	5	-	3	-	-	2	1	-	8
III	DIỄN CHÂU	387	8	595	357	234	1	2	1	990
1	Diễn Hùng	25	2	1	1	-	-	-	-	28
2	Diễn Hải	50	-	2	1	1	-	-	-	52
3	Diễn Kim	67	-	4	-	4	-	-	-	71
4	Diễn Bích	-	-	204	83	120	-	1	-	204
5	Diễn Ngọc	-	6	371	261	107	1	1	1	377
6	TT Diễn Châu	13	-	-	-	-	-	-	-	13
7	Diễn Thành	45	-	13	11	2	-	-	-	58
8	Diễn Thịnh	96	-	-	-	-	-	-	-	96
9	Diễn Trung	91	-	-	-	-	-	-	-	91
IV	NGHI LỘC	111	136	17	14	-	3	-	-	264
1	Nghi Tiến	15	-	-	-	-	-	-	-	15
2	Nghi Thiết	33	61	5	4	-	1	-	-	99
3	Nghi Quang	45	35	3	2	-	1	-	-	83
4	Nghi Xuân	3	10	5	5	-	-	-	-	18
5	Phúc Thọ	15	30	4	3	-	1	-	-	49
V	T.X CỬA LÒ	16	105	110	59	17	31	3	-	231
1	Nghi Tân	3	18	2	2	-	-	-	-	23
2	Nghi Thủy	-	71	59	12	15	29	3	-	130
3	Nghi Hải	8	14	43	40	1	2	-	-	65
4	Nghi Hòa	4	-	3	3	-	-	-	-	7
5	Thu Thủy	1	2	3	2	1	-	-	-	6
VI	T.P VINH	9	1	-	-	-	-	-	-	10
1	Hưng Hòa	9	1	-	-	-	-	-	-	10
	Tổng	897	788	1.763	546	746	240	224	7	3.448

Bảng 4. Báo cáo danh sách tàu cá đã thực hiện đăng ký, đăng kiểm năm 2021 theo từng địa phương

TT	ĐỊA PHƯƠNG	TỔNG SỐ TÀU			Tổng số tàu ≥ 12 m đang hoạt động	Số tàu đã cấp đủ giấy tờ đến 18/01	SỐ TÀU ĐĂNG KIỂM TỪ 16/01- 18/02/2021						SỐ TÀU ĐĂNG KÝ TỪ 16/01- 18/02/2021					Xóa đăng ký từ 16/01- 18/02/2021	Số tàu cấp đủ giấy tờ / Tổng số tàu ≥ 12 m đang hoạt động (%)	
		Tổng	< 12 m	≥ 12 m			Tổng	Hàng năm	Trên đà	Định kỳ	Cải hoán	Đóng mới	Tổng	Đăng ký lại	Cải hoán	Đóng mới	Mua tàu			
																	Nội tỉnh			Ngoại tỉnh
I	TX H.MAI	1.031	507	524	425	424	14	2	2	6	2	2	8	-	2	2	4	-	3	99,76
1	Quỳnh Lập	218	30	188	172	172	6	-	1	1	2	2	5	-	2	2	1	-	1	100,00
2	Q. Phương	702	415	287	224	223	8	2	1	5	-	-	3	-	-	-	3	-	2	99,55
3	Quỳnh Dị	111	62	49	29	29	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	100,00
II	QUỲNH LƯU	922	405	517	481	478	2	1	1	-	-	-	3	1	-	-	1	1	1	99,38
1	Q. Lương	92	92	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2	Quỳnh Bảng	1	1	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
3	Quỳnh Minh	1	-	1	1	1	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	100,00
4	Q. Nghĩa	158	53	105	104	104	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	100,00
5	Tiến Thủy	234	104	130	120	120	1	1	-	-	-	-	1	1	-	-	-	-	-	100,00
6	An Hòa	68	46	22	22	22	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	100,00
7	Quỳnh Long	129	60	69	67	65	1	-	1	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1	97,01
8	Quỳnh Ngọc	13	11	2	2	2	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	100,00
9	Quỳnh Thọ	10	-	10	9	9	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	100,00
10	Sơn Hải	208	33	175	153	152	-	-	-	-	-	-	2	-	-	-	1	1	-	99,35
11	Q. Thuận	8	5	3	3	3	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	100,00
III	DIỄN CHÂU	990	395	595	526	524	5	3	-	-	2	-	2	-	2	-	-	-	1	99,62
1	Diễn Hùng	28	27	1	1	1	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	100,00
2	Diễn Hải	52	50	2	2	2	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1	100,00

3	Diễn Kim	71	67	4	4	4	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	100,00
4	Diễn Bích	204	-	204	185	184	2	2	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	99,46
5	Diễn Ngọc	377	6	371	322	321	3	1	-	-	2	-	2	-	2	-	-	-	-	99,69
6	TT Diễn Châu	13	13	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
7	Diễn Thành	58	45	13	12	12	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	100,00
8	Diễn Thịnh	96	96	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
9	Diễn Trung	91	91	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
IV	NGHI LỘC	264	247	17	14	14	1	-	-	-	1	-	1	-	1	-	-	-	-	100,00
1	Nghi Tiến	15	15	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2	Nghi Thiết	99	94	5	4	4	1	-	-	-	1	-	1	-	1	-	-	-	-	100,00
3	Nghi Quang	83	80	3	3	3	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	100,00
4	Nghi Xuân	18	13	5	3	3	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	100,00
5	Phúc Thọ	49	45	4	4	4	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	100,00
V	T.X CỬA LÒ	231	121	110	87	86	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	98,85
1	Nghi Tân	23	21	2	1	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2	Nghi Thủy	130	71	59	43	43	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	100,00
3	Nghi Hải	65	22	43	37	37	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	100,00
4	Nghi Hòa	7	4	3	3	3	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	100,00
5	Thu Thủy	6	3	3	3	3	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	100,00
VI	TP VINH	10	10	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1	Hưng Hòa	10	10	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Tổng toàn tỉnh		3.448	1.685	1.763	1.533	1.526	22	6	3	6	5	2	14	1	5	2	5	1	5	99,54

Bảng 5. Báo cáo kết quả Khai thác thủy sản tháng 02/2021

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm (tấn)	Tổng sản lượng khai thác thủy sản (tấn)									Lũy kế			
			Câu	Rê	Vây	Kéo	Khác	Tổng sản lượng (tấn)	Giá trị ước đạt (Tỷ đồng)	So sánh với cùng kỳ năm trước (%)	So sánh kế hoạch năm (%)	Tổng sản lượng (Tấn)	Giá trị ước đạt (Tỷ đồng)	So sánh với cùng kỳ năm trước (%)	So với kế hoạch năm (%)
1	Sản lượng khai thác	170.000	13	814	2.068	1.770	2.116	6.781	159,690	86,34	3,99	17.512	371,909	98,36	10,30
1	Tôm	4.500	-	-	-	7	5	12	1,140	100,00	0,27	26	2,260	100,00	0,58
2	Cá chọn	32.000	6	296	408	190	304	1.204	66,220	84,31	3,76	3.046	149,110	101,20	9,52
3	Cá xô	68.000	2	435	630	502	517	2.086	41,720	87,43	3,07	5.212	97,988	100,13	7,66
4	Cá tạp	42.500	-	62	1.022	921	925	2.930	29,300	87,44	6,89	7.782	68,116	96,49	18,31
5	Mực ống	7.500	5	3	8	16	40	72	6,480	74,23	0,96	198	15,930	89,59	2,64
6	Mực nang	2.500	-	9	-	10	8	27	1,890	84,38	1,08	77	5,140	95,06	3,08
7	Ghẹ	1.500	-	9	-	6	11	26	2,340	86,67	1,73	66	5,740	95,65	4,40
8	Khác	11.500	-	-	-	118	306	424	10,600	81,85	3,69	1.105	27,625	98,05	9,61
2	Sản lượng nội đồng	5.000						525	13,125	105,85	10,50	1.012	25,300	105,53	20,24

Bảng 6. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu Nuôi trồng thủy sản tháng 02/2021

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KH năm 2020	TH tháng 1	Ước TH tháng 2	Lũy kế từ đầu năm	So sánh (%)		
							02 tháng so KH năm 2021	Tháng 02 so cùng kỳ năm 2020	02 tháng so cùng kỳ năm 2020
I	Sản lượng nuôi trồng	Tấn	60.000	4.469	4.854	9.323	15,54	108,7	106,68
1	Nuôi nước ngọt	Tấn		4.093	4.462	8.555		109,1	107,08
2	Nuôi mặn lợ	Tấn		376	392	768		103,7	102,40
	Tôm	Tấn		125	125	250		108,7	104,17
	T/đó: - Tôm sú	Tấn				-			
	- Tôm thẻ chân trắng	Tấn		125	125	250		119,0	108,70
II	Diện tích nuôi trồng thủy sản	Ha	21.500	12.670	3.202	15.872	73,82	100,2	100,04
1	Diện tích nuôi cá nước ngọt	Ha	19.000	12.550	3.112	15.662	82,43	100,2	100,04
2	Diện tích nuôi mặn, lợ	Ha	2.500	120	90	210	8,40	100,0	100,00
III	Sản xuất giống				85	85		100,0	100,00
	Số trại sản xuất tôm giống	Trại				-			
	Lượng tôm giống P15	tr.con		30	172	202		101,2	101,00
	Tôm sú	tr.con			32	32		106,7	106,67
	Tôm thẻ chân trắng	tr.con		30	140	170		100,0	100,00
	Sản xuất cá giống các loại	tr.con		51	65	116		100,0	116,00
	T/đó: Rôphi	tr.con				-			